

Số: 49/QĐ-YDC

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/V ban hành chương trình đào tạo
trình độ Cao đẳng Tiếng Trung Quốc năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y – VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 962/QĐ-BGD&ĐT - TCCB ngày 08 tháng 03 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng tư thục Đức Trí;

Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-LĐTB&XH ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc đổi tên Trường Cao đẳng tư thục Đức Trí thành Trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam;

*Căn cứ Kế hoạch số /KH-YDC ngày 01 tháng 03 năm 2021 về tổ chức xây dựng và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2021;
Xét đề nghị của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng Tiếng Trung Quốc năm 2023.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

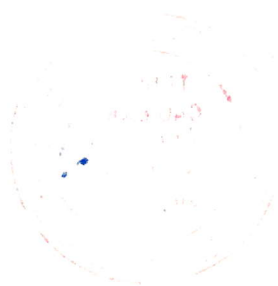
Điều 3: Các Ông (Bà) lãnh đạo các Phòng, Khoa, cán bộ, Nhà giáo liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- HĐQT, BGH Nhà trường (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT&CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Ánh



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số...../2023/QĐ-YDC, ngày 16 tháng 06 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam)

Tên ngành, nghề: Tiếng Trung Quốc

Mã ngành, nghề: 6220209

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Tiếng Trung Quốc trình độ cao đẳng có phẩm chất đạo đức tốt, kỹ năng nghề nghiệp, nhân cách sư phạm, sức khỏe tốt, có tri thức về văn hóa Trung Quốc, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc, có những hiểu biết về lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Trung Quốc. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế nước nhà trong quá trình hội nhập.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Vận dụng được những kiến thức về Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình làm việc và cuộc sống. Biết - hiểu và thực hiện tốt các nhiệm vụ về quốc phòng – an ninh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Biết khai thác các kiến thức tin học cơ bản, một số phần mềm và áp dụng được trong quá trình học tập, trong công việc và cuộc sống.
- Sinh viên tốt nghiệp sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết với trình độ ngôn ngữ HSK cấp 4 theo thang đánh giá năng lực của Chính phủ Trung Quốc tức tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tiếng Anh đạt chứng chỉ A1. Có trình độ nghiệp vụ đủ để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ kinh doanh, đặc biệt là nắm vững kiến thức, cơ sở lý luận và khả năng thực hành biên phiên dịch trong tình huống giao tiếp.

1.2.2. Kỹ năng

Cử nhân tiếng Trung Quốc ở trình độ cao đẳng có những kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản và cần thiết như:

- Biết dịch thuật các văn bản bằng tiếng Trung Quốc.
- Vận dụng được các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến dịch thuật ngôn ngữ trong chuyên môn.
- Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và làm theo nhóm bằng tiếng Trung Quốc.
- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông dụng và dịch thuật, biết vận dụng vốn từ vựng trong quá trình công tác.

1.2.3. Thái độ, tác phong, nghề nghiệp

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng và thực hiện nghiêm pháp luật Nhà nước, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, trung thực, có trách nhiệm, tư duy phê phán.
- Có tính kiên trì, say mê công việc, nhiệt tình và năng động trong công việc, biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.
- Có ý thức tự nghiên cứu độc lập và nâng cao trình độ.
- Sinh viên hiểu biết về những thói quen, tác phong làm việc của người Trung Quốc để có thái độ làm việc phù hợp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc ở các cơ quan văn hóa, giáo dục, du lịch, công ty liên doanh nước ngoài hay trong các công ty Trung Quốc, hoặc làm công tác nghiên cứu và giảng dạy ở các trường, trung tâm khoa học.
- Sinh viên có thể học liên thông lên đại học tại các trường đại học của Trung Quốc và đại học của Việt Nam có chỉ tiêu đào tạo

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 98 (Tín chỉ) - 2490 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2055 giờ
- Khối lượng lý thuyết (bao gồm cả số giờ kiểm tra): 831 giờ (34%)
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1659 giờ (66%)

- Thời gian khóa học: 2.5 năm

(Thời gian này chưa bao gồm thời gian tự học)

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	19	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Ngoại ngữ cơ bản	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	20	375	223	140	12
MH07	Tiếng Trung Quốc cơ bản 1	3	45	44		1
MH08	Tiếng Trung Quốc cơ bản 2	3	45	44		1
MH09	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	3	60	30	28	2
MH10	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3	60	30	28	2
MH11	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3	60	30	28	2
MH12	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	3	60	30	28	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	59	1680	390	1264	26
MH13	Tiếng Trung Quốc nghe 1	3	60	30	28	2
MH14	Tiếng Trung Quốc nghe 2	3	60	30	28	2
MH15	Tiếng Trung Quốc nói 1	3	60	30	28	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH16	Tiếng Trung Quốc nói 2	3	60	30	28	2
MH17	Tiếng Trung Quốc đọc 1	3	60	30	28	2
MH18	Tiếng Trung Quốc đọc 2	3	60	30	28	2
MH19	Tiếng Trung Quốc viết 1	3	60	30	28	2
MH20	Tiếng Trung Quốc viết 2	3	60	30	28	2
MH21	Tiếng Trung Quốc biên dịch 1	3	60	30	28	2
MH22	Tiếng Trung Quốc biên dịch 2	3	60	30	28	2
MH23	Tiếng Trung Quốc phiên dịch 1	3	60	30	28	2
MH24	Tiếng Trung Quốc phiên dịch 2	3	60	30	28	2
MH25	Tiếng Trung Quốc phiên dịch 3	3	60	30	28	2
MĐ26	Thực tập cơ sở (1,2)	10	450		450	
MĐ27	Thực tập tốt nghiệp	10	450		450	
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	2				
MH28	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	28	2
MH29	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
Tổng cộng		96	2490	770	1659	61

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng và ban hành để áp dụng bao gồm:

Chương trình Giáo dục Quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 10/2018/TTLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Tin học theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Giáo dục thể chất theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26

tháng 9 năm 2018;

Chương trình Pháp luật theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Giáo dục chính trị theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 6 tháng 12 năm 2018;

Chương trình Tiếng Anh theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH, ngày 17 tháng 1 năm 2019.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 11 tháng 3 năm 2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoài đi thực tế ngành, thực tập tốt nghiệp; mỗi năm học tổ chức từ 1 đến 2 tuần cho sinh viên đi hoạt động ngoại khóa, đi thăm quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các công ty trong lĩnh vực ngành đào tạo

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và thi kết thúc môn học, mô đun

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Đào tạo theo niên chế

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng Tiếng Trung quốc và có đủ điều kiện sẽ được dự thi tốt nghiệp;

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị, Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp;

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định có liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân thực hành theo quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017.

5. Kế hoạch đào tạo

Mã MH, MĐ	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	TH	KT
Học kỳ 1						
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5

Mã MH, MD	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	TH	KT
MH05	Ngoại ngữ 1(Tiếng anh cơ sở)	4	120	42	72	6
MH07	Tiếng Trung Quốc cơ bản 1	3	45	44		1
MH08	Tiếng Trung Quốc cơ bản 2	3	45	44		1
MH09	Tiếng Trung Quốc Tổng hợp 1	3	60	30	28	2
Môn học, mô đun tự chọn		2				
MH28	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	28	2
MH29	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
Tổng cộng		20	375	201	157	27
Học kỳ 2						
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH10	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3	60	30	28	2
MH17	Tiếng Trung Quốc đọc 1	3	60	30	28	2
MH11	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3	60	30	28	2
MH12	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	3	60	30	28	2
MH13	Tiếng Trung Quốc nghe 1	3	60	30	28	2
Tổng cộng		19	390	173	201	16
Học kỳ 3						
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH15	Tiếng Trung Quốc nói 1	3	60	30	28	2
MH19	Tiếng Trung Quốc viết 1	3	60	30	28	2
MH14	Tiếng Trung Quốc nghe 2	3	60	30	28	2
MH16	Tiếng Trung Quốc nói 2	3	60	30	28	2
MH19	Tiếng Trung Quốc đọc 2	3	60	30	28	2
Tổng số		21	450	201	233	16
Học kỳ 4						
MH20	Tiếng Trung Quốc viết 2	3	60	30	28	2
MH21	Tiếng Trung Quốc biên dịch 1	3	60	30	28	2

Mã MH, MD	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	TH	KT
MH22	Tiếng Trung Quốc biên dịch 2	3	60	30	28	2
MH23	Tiếng Trung Quốc phiên dịch 1	3	60	30	28	2
MH24	Tiếng Trung Quốc phiên dịch 2	3	60	30	28	2
MH25	Tiếng Trung Quốc phiên dịch 3	3	60	30	28	2
Tổng cộng		18	360	180	168	12
Học kỳ 5						
MD26	Thực tập cơ sở (1,2)	10	450		450	
MD27	Thực tập tốt nghiệp	10	450		450	
Tổng cộng		20	900		900	

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Nguyễn Văn Ánh

